

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Ph**

Bản án số: 26/2020/ DS-ST

Ngày: 19 tháng 6 năm 2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bằng, bà Hoàng Thị Hồng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bình - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2020/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: chị Vũ Thị V, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Anh Phạm Văn Ph, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn NS, xã QT, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Anh Ph đã ủy quyền cho chị V đại diện tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 16/3/2020.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Th, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà Q, Ngõ B, Tổ dân phố TG2, phường LL, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Hiện tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội

Cả chị V và anh Th đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 19/02/2020 và các lời khai tiếp theo do nguyên đơn Vũ Thị V trình bày: Do quan hệ quen biết xã hội, khi anh Hoàng Th đang công tác tại Trung đoàn 101, sư đoàn 325 đóng quân tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, vợ chồng chị đã cho anh Hoàng Th vay nhiều lần tiền, lần đầu anh Th nói vay để lo công

việc và có để lại chứng minh quân nhân của Th, những lần vay sau anh Th nói vay cho bạn và cũng gửi lại chứng minh quân nhân, hoặc thẻ đảng của bạn cho chị giữ, chị đã gửi tiền cho anh Th thông qua Q là bạn của hai người. Cho đến ngày 5/6/2015 vợ chồng chị được lãnh đạo trung đoàn 101 mời đến làm việc. Tại buổi làm việc đó, anh Hoàng Th đã thừa nhận các khoản tiền đã vay của chị, tổng cộng là 308.000.000 đồng gốc và viết giấy nhận nợ chị số tiền trên, đồng thời hẹn đến ngày 30/12/2018 thì thanh toán hết. Sau đó chị đã giao trả cho lãnh đạo trung đoàn các giấy tờ là chứng minh quân nhân, thẻ đảng anh Th đã giao cho chị giữ trước đây. Sau đó một thời gian, anh Th ra quân, trung đoàn 101 đã trả cho chị được 30.000.000 đồng là tiền chế độ của anh Th để thanh toán cho một phần khoản nợ. Số tiền còn lại 278.000.000 đồng, chị đồng ý cho anh Th trả dần đến ngày 30/12/2018. Tuy nhiên, đến hết thời hạn thanh toán, anh Th không trả tiền cho vợ chồng chị, chị đã tìm anh Th nhiều lần để đòi tiền nhưng không gặp. Nay vợ chồng chị khởi kiện yêu cầu anh Hoàng Th phải thanh toán trả số tiền vay gốc 278.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi tám triệu đồng)

Đối với tiền lãi, chị thừa nhận khi chị và anh Th làm việc tại trung đoàn 101 thì có thỏa thuận anh Th phải trả số tiền nợ gốc 308.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 05/6/2015 đến ngày 30/12/2018 và thời gian này hai bên không tính lãi. Sau đó thì trung đoàn đã thay anh Th trả cho chị được 30.000.000 đồng. Còn lại anh Th không trả. Nay chị yêu cầu anh Th phải trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo mức 10%/năm trên số tiền gốc 278.000.000 đồng kể từ 01/01/2019 đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ với vợ chồng chị.

Bị đơn anh Hoàng Th tại bản tự khai ngày 27/3/2020, biên bản ghi lời khai ngày 21/5/2020 thừa nhận khoản tiền anh vay, tiền nợ gốc như chị V đã trình bày. Nay anh đồng ý với yêu cầu của chị V, anh Ph về số tiền nợ gốc phải thanh toán 278.000.000 đồng. Đối với tiền lãi, anh đề nghị chị V, anh Ph không tính lãi, nếu chị V, anh Ph vẫn yêu cầu trả lãi thì anh đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị V, Anh Th đều xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án là đúng pháp luật. Về thủ tục xét xử đã thực hiện theo đúng quy định tại điều 328 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: trên cơ sở lời khai của nguyên đơn, lời thừa nhận của bị đơn và tài liệu, chứng cứ là giấy vay gốc đã được nguyên đơn giao nộp, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ các điều 357, 463; 466; khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc anh Hoàng Th phải thanh toán trả cho vợ chồng chị Vũ Thị V, anh Phạm Văn Ph số tiền vay gốc 278.000.000 đồng (hai trăm

bảy mươi tám triệu đồng). Về tiền lãi tính theo mức 10%/năm kể từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử 19/6/2020 là 17 tháng 18 ngày, tiền lãi tính bằng 40.773.300 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 318.773.300 đồng.

Về án phí: anh Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngoài ra kiểm sát viên còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của chị Vũ Thị V, anh Phạm Văn Ph cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện, về chủ thể có quyền khởi kiện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa cả nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án là đúng pháp luật.

[3]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, cụ thể là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, các đương sự không tự giải quyết được, nguyên đơn có đơn khởi kiện đến Tòa án thành phố Bắc Giang, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Bắc Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo qui định tại khoản 3 điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về thời hiệu khởi kiện: Trong giấy vay ngày 5/6/2015, anh Th hẹn thanh toán số tiền vay cho chị V ngày 30/12/2018, ngày 19/02/2020 chị V, anh Ph có đơn khởi kiện đến Tòa án, căn cứ điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, xác định thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn và hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

[5]. Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn Vũ Thị V, Phạm Văn Ph xác định đã cho anh Hoàng Th vay số tiền 308.000.000 đồng và ngày 5/6/2015 anh Th đã viết giấy vay tiền, hẹn thời hạn thanh toán hết số tiền nợ vào ngày 30/12/2018, xác nhận anh Hoàng Th đã trả được 30.000.000 đồng gốc, còn lại 278.000.000 đồng chưa trả nên yêu cầu bị đơn anh Hoàng Th phải trả số tiền trên, về tiền lãi do anh Th chậm thực hiện nghĩa vụ nên nguyên đơn yêu cầu anh Th phải trả lãi kể từ ngày 01/01/2019 cho đến, mức lãi tính bằng 10%/năm/số tiền nợ gốc. Lời khai của bị đơn anh Hoàng Th cũng thừa nhận việc anh vay và còn nợ chị V, anh Ph số tiền như chị V khai. Như vậy, từ lời khai của các bên, chứng cứ là giấy vay tiền mặt anh Th viết ngày 5/6/2015, có đủ căn cứ xác định giữa vợ chồng chị V và anh Hoàng Th có giao dịch cho nhau vay số tiền 308.000.000 đồng (ba trăm linh tám triệu đồng) trên cơ sở tự nguyện, anh Th đã thanh toán được 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và còn nợ lại vợ chồng chị V số tiền 278.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi tám triệu đồng). Theo giấy vay tiền

anh Th viết ngày 5/6/2018, anh Th hẹn thanh toán cho vợ chồng chị V số tiền vay vào ngày 30/12/2018, nhưng đến nay chưa trả, do đó chị V, anh Ph khởi kiện anh Hoàng Th là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Về tiền lãi, chị V yêu cầu anh Th trả lãi theo mức lãi bằng 10%/năm trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán do chậm thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày 01/01/2019. Anh Th có ý kiến đề nghị chị V không tính lãi, nhưng chị V không rút yêu cầu này. HĐXX xét thấy, theo giấy vay tiền ngày 5/6/2015, thì thời hạn anh Th hẹn thanh toán tiền vay là ngày 30/12/2018. Trong thời gian này cả hai bên đều thừa nhận không tính lãi, nên HĐXX không xem xét. Nhưng do anh Th không trả tiền vay đúng hạn, nên căn cứ khoản 1 điều 357 Bộ luật dân sự quy định “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”, do vậy, kể từ ngày 01/01/2019 anh Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên việc chị V yêu cầu anh trả lãi từ ngày trên là có căn cứ, được chấp nhận. Mức lãi suất chị V yêu cầu bằng 10%/năm/ số tiền 278.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 357, điều 468 của Bộ luật dân sự, nên HĐXX chấp nhận. Thời gian tính lãi tính từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày xét xử 19/8/2020 bằng 17 tháng 18 ngày, được tính bằng: {278.000.000 đồng x 10%/năm (=0,833%/tháng)} x 17 tháng 18 ngày = 40.773.300 đồng.

Tổng số tiền gốc, lãi buộc anh Th phải thanh toán cho chị V, anh Ph là 318.773.300 đồng (ba trăm mười tám triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm đồng).

[6]. Về án phí: Bị đơn anh Hoàng Th phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Vợ chồng chị V, anh Ph không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 357; điều 429; điều 463; 466; điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị V, anh Phạm Văn Ph.

Buộc anh Hoàng Th phải thanh toán trả vợ chồng chị Vũ Thị V, anh Phạm Văn Ph số tiền gốc 278.000.000 đồng và lãi 40.773.300 đồng, tổng cộng gốc và lãi bằng 318.773.300 đồng (Ba trăm mười tám triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm đồng).

Về án phí: anh Hoàng Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 15.938.665 đồng (Mười lăm triệu chín trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng).

Hoàn trả cho chị V, anh Ph số tiền tạm ứng án phí 7.720.000 đồng (bảy triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0000955 ngày 02/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại điều 357; khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hằng

